

Di động liên thế hệ về nghề nghiệp ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Hoàng Thị Quyên^(*)

Tóm tắt: Đóng góp chính của nghiên cứu này là việc vận dụng các mô hình lý thuyết của các nhà xã hội học liên quan đến di động liên thế hệ về nghề nghiệp vào mô tả quá trình tái tạo các giai tầng trong xã hội Việt Nam đương đại. Theo đó, bài viết tập trung mô tả bức tranh di động liên thế hệ về nghề nghiệp đang diễn ra tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long nhằm phát hiện ra các quy luật và tính quy luật của quá trình chuyển giao những ưu thế và bất lợi xã hội¹.

Từ khóa: Di động liên thế hệ về nghề nghiệp, Địa vị nghề, Hệ thống phân tầng nghề nghiệp, Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam

Abstract: The paper presents how the theory of intergenerational occupational mobility has been applied to explain the process of class renewal in contemporary Vietnam in general, and in the Mekong Delta in particular. It thereby highlights the rules and the regularity of the transfer process of social advantages and disadvantages.

Keywords: Intergenerational Occupational Mobility, Occupational Status, Occupational Stratification System, Mekong Delta, Vietnam

Mở đầu

Di động liên thế hệ về nghề nghiệp (inter-generational occupational mobility) hay di động nghề nghiệp giữa các thế hệ thường được mô tả thông qua việc “so sánh tình trạng nghề nghiệp giữa con và cha” (Endruweit, Trommsdorff, *Từ điển xã hội học*, 2002: 120), đôi khi nó được hiểu theo một nghĩa hẹp hơn là “sự thay đổi địa

vị nghề nghiệp của con trai so với địa vị nghề nghiệp của cha. Tức là nghề nghiệp của con trai có nguồn gốc xuất thân từ nghề nghiệp của cha như thế nào” (Đỗ Thiên Kính, 2007). Tuy nhiên, cách hiểu này thường bị phê phán về mặt lý thuyết bởi nó không phản ánh hết các yếu tố giới trong dịch chuyển liên thế hệ. Theo đó, bài viết

^(*) ThS., Học viện Chính trị khu vực IV;
Email: hoangquyenhv4@gmail.com

¹ Số liệu bài viết lấy từ kết quả của Đề tài “Di động nghề nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu khu vực đồng bằng sông Cửu Long (nghiên cứu trường hợp thành phố Cần Thơ)” do tác giả thực hiện năm 2020 với tổng mẫu nghiên cứu là 784 người trong độ tuổi lao động từ 15 đến 55 tuổi đối với nữ và đến 60 tuổi

đối với nam. Việc chọn mẫu chú trọng địa phương đang chịu tác động lớn nhất của biến đổi khí hậu, chia thành hai cụm (cụm quận và cụm huyện) để lựa chọn có chủ đích hai quận, một huyện. Từ các quận, huyện tiếp tục chọn mẫu có chủ đích để chọn ra các phường và xã. Các đơn vị điều tra được lựa chọn theo mẫu định mức. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phỏng vấn bán cấu trúc với 30 người trong độ tuổi lao động.

sử dụng khái niệm di động liên thế hệ về nghề nghiệp để chỉ sự thay đổi địa vị nghề của con cái (không phân biệt nam hay nữ) so với địa vị nghề của cha hay mẹ.

Hiện tại có nhiều cách để tính toán tỷ lệ di động liên thế hệ về nghề nghiệp. Bài viết sử dụng bảng ma trận chuyển dịch (turnover matrices) thể hiện mối tương quan giữa địa vị nghề của cha, mẹ và địa vị nghề của con cái được nhà xã hội học Nhật Bản Saburo Yasuda đề xuất để tính toán các tỷ lệ di động cũng như chỉ ra các nhân tố tác động đến di động liên thế hệ về nghề nghiệp. Bảng ma

phụ thuộc địa vị nghề của con cái vào địa vị nghề của cha, mẹ hay nói đúng hơn là khả năng dự đoán địa vị xã hội của con thông qua địa vị xã hội của cha hoặc mẹ. Kết quả nghiên cứu như sau:

1. Xu hướng kế tục địa vị nghề của cha và mẹ

Khi nghiên cứu di động liên thế hệ về nghề nghiệp, các nhà nghiên cứu thường tập trung trả lời các câu hỏi như: Địa vị nghề của con bị ảnh hưởng như thế nào bởi địa vị nghề của cha hay mẹ họ? Có bao nhiêu người kế tục địa vị nghề của cha, mẹ? Bao nhiêu người

Bảng 1: Ma trận chuyển dịch địa vị nghề giữa cha và con¹

		Địa vị nghề đầu tiên của con				Tổng số cặp cha-con
		Lãnh đạo, quản lý và chuyên môn kỹ thuật bậc cao	Chuyên môn kỹ thuật bậc trung và nhân viên	Công nhân và lao động có kỹ năng khác	Lao động giản đơn và nông dân	
Địa vị nghề của cha	Lãnh đạo quản lý và chuyên môn kỹ thuật bậc cao	35 67,3%	17 32,7%	0 0%	0 0%	52 100%
	Chuyên môn kỹ thuật bậc trung và nhân viên	6 8,0%	29 38,7%	28 37,3%	12 10,6%	75 100%
	Công nhân và lao động có kỹ năng khác	19 16,8%	49 43,4%	43 38,1%	2 1,8%	113 100%
	Nông dân và lao động giản đơn	30 5,5%	141 25,9%	184 33,8%	189 34,7%	544 100%
Tổng số cặp cha-con		90 11,5%	236 30,1%	255 32,5%	203 25,9%	784 100%
Tỷ lệ kế tục nghề		37,75%				
Tỷ lệ di động tổng thể		62,25%				
Tỷ lệ di động cấu trúc		43,49%				
Tỷ lệ di động thuần		18,76%				

Nguồn: Số liệu tác giả điều tra năm 2020.

trận này sẽ cho chúng ta thấy “cơ hội của người con có cha, mẹ thuộc tầng lớp thấp nhất xuất hiện trong tầng lớp cao nhất và ngược lại” (Clark, 2017: 367). Đồng thời, mô hình này cũng cho phép chúng ta tính toán các tỷ lệ di động và tỷ lệ kế tục các địa vị nghề, hệ số mở cho từng nhóm nghề và cho toàn bộ mô hình để thấy được mức độ

¹ Tỷ lệ kế tục nghề tính trên số lượng người kế tục địa vị nghề của cha; Tỷ lệ di động tổng thể tính trên số người không có địa vị nghề giống cha; Tỷ lệ di động cấu trúc di động xuất phát từ cấu trúc xã hội mà không phải xuất phát từ sự tăng lên hay giảm xuống của nhu cầu về một địa vị nghề nào đó; Tỷ lệ di động thuần là di động tạo ra do sự thay đổi của bản thân các cá nhân trong việc dịch chuyển giữa các nhóm nghề với địa vị khác nhau.

không tiếp tục duy trì địa vị nghề của cha, mẹ? Điều gì khiến họ kế tục hay không kế tục địa vị nghề của cha, mẹ và việc kế tục hay di động được thực hiện thông qua quá trình và cơ chế nào?

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy: Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xã hội diễn ra một cách nhanh chóng trong bối cảnh biến đổi môi trường, khí hậu và sự thay đổi của khoa học và công nghệ đã tạo ra một xã hội mà cơ hội chuyển dịch địa vị nghề được mở rộng hơn. Nếu trước đây chúng ta đã từng chứng kiến một xã hội mà trong đó con cái của những người nông dân tiếp tục trở thành những người làm nghề trồng trọt và chăn nuôi, cơ hội để con cái của những người thuộc tầng lớp dưới vươn lên chiếm giữ các địa vị nghề ở tầng lớp trên của tháp phân tầng nghề nghiệp là rất thấp, tỷ lệ chuyển dịch xã hội diễn ra rất chậm, thì hiện nay chúng ta đang chứng kiến một xã hội với sự chuyển dịch địa vị nghề là hiện tượng xã hội diễn ra phổ biến ở Việt Nam không còn là xã hội mà trong đó việc kế tục các địa vị nghề giữa các thế hệ trong gia đình là xu hướng cơ bản, thay vào đó chúng ta đang kiến tạo một xã hội với sự phổ biến của hiện tượng di động liên thế hệ về nghề nghiệp. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, trong các gia đình trên địa bàn thành phố Cần Thơ, tỷ lệ những người con tiếp nối địa vị nghề của cha, mẹ là khá thấp (Xem: Bảng 1 và Bảng 2).

Số liệu ở Bảng 1 và Bảng 2 cho thấy, trong tổng số 784 người tham gia trả lời phiếu hỏi, chỉ có 296 người (chiếm 37,75%) tiếp tục kế tục địa vị nghề của cha mình. Trong đó, tỷ lệ kế tục địa vị nghề cao nhất ở nhóm những người con có cha làm lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên môn kỹ thuật bậc cao. Trong tổng số 52 người con có cha làm lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên môn kỹ thuật bậc cao thì có 35 người con kế tục địa vị nghề của

cha mình, tỷ lệ này là 35/52 người (chiếm 7,3%); tương tự, nhóm chuyên môn kỹ thuật bậc trung và nhân viên là 29/75 người (chiếm 38,7%); nhóm công nhân và lao động có kỹ năng khác là 43/113 người (chiếm 38,1%); và nhóm nông dân và lao động giản đơn là 189/544 người (chiếm 34,7%).

Ngoài việc xem xét tỷ lệ kế tục địa vị nghề của cha, trong bối cảnh khi mà người mẹ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong gia đình và có tác động lớn đến sự thành đạt về giáo dục, nghề nghiệp của những người con, chúng ta cần quan tâm đến việc con cái kế tục địa vị nghề của mẹ. Số liệu Bảng 2 cho thấy, trong tổng số 784 người trong mẫu nghiên cứu chỉ có 246 người (chiếm 31,37%) kế tục địa vị nghề của mẹ mình. Trong đó tỷ lệ kế tục địa vị nghề của những người con có mẹ làm lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên môn kỹ thuật bậc cao là 23/26 người (chiếm 88,5%); nhóm chuyên môn kỹ thuật bậc trung hoặc nhân viên là 13/34 (chiếm 38,2%); nhóm công nhân hoặc lao động có kỹ năng khác là 20/90 (chiếm 22,2%); và nhóm nông dân hoặc lao động giản đơn là 190/634 (chiếm 30,0%).

Theo số liệu ở Bảng 1 và Bảng 2, có thể thấy trong cả hai mô hình (mô hình chuyển dịch địa vị nghề giữa cha và con và mô hình chuyển dịch địa vị nghề giữa mẹ và con), tỷ lệ kế tục địa vị nghề của cha hay mẹ đều khá thấp (trên 30%). Tỷ lệ kế tục địa vị nghề cao nhất trong cả hai mô hình là ở nhóm những người con có cha/mẹ làm lãnh đạo, quản lý hay chuyên môn kỹ thuật bậc cao. Tỷ lệ kế tục địa vị nghề thấp nhất là ở nhóm những người con có cha/mẹ là nông dân hoặc lao động giản đơn. Như vậy, kết quả nghiên cứu trong mẫu của chúng tôi cho thấy chúng ta đang sống trong một xã hội mà các thế hệ mới được tạo ra nhờ phương thức “tạo ra giai tầng xã hội” nhiều hơn là “tái tạo lại giai tầng xã hội”.

2. Quy mô và chiều hướng di động liên thế hệ về nghề nghiệp

Số liệu ở Bảng 1 và Bảng 2 cho thấy, trong tổng số 784 người tham gia nghiên cứu có 488 người (chiếm 62,25%) không kế tục địa vị nghề của cha mình và 246 người (chiếm 68,63%) không tiếp tục kế tục địa vị nghề của mẹ mình. Trong mô hình dịch chuyển địa vị nghề giữa cha và con, có 429 (chiếm 54,72%) di động theo hướng đi lên

8,0%. Xác suất để những người con có cha là nông dân hoặc lao động giản đơn gia nhập vào tầng lớp *chuyên môn kỹ thuật bậc trung và nhân viên* là 25,9%, xác suất gia nhập vào tầng lớp này của những người con có cha là công nhân và lao động có kỹ năng khác là 43,4%. Xác suất để những người con có cha là nông dân hoặc lao động giản đơn gia nhập vào tầng lớp công nhân và lao động có kỹ năng khác là 33,8%.

Bảng 2: Ma trận chuyển dịch địa vị nghề giữa mẹ và con¹

		Địa vị nghề đầu tiên của con				Tổng số cặp mẹ-con
		Lãnh đạo, quản lý và chuyên môn kỹ thuật bậc cao	Chuyên môn kỹ thuật bậc trung và nhân viên	Công nhân và lao động có kỹ năng khác	Lao động giản đơn và nông dân	
Địa vị nghề của mẹ	Lãnh đạo, quản lý và chuyên môn kỹ thuật bậc cao	23 88,5%	2 7,7%	1 3,8%	0 0%	26 100%
	Chuyên môn kỹ thuật bậc trung và nhân viên	3 8,8%	13 38,2%	5 14,7%	13 38,2%	34 100%
	Công nhân và lao động có kỹ năng khác	20 22,2%	50 55,6%	20 22,2%	0 0%	90 100%
	Nông dân và lao động giản đơn	44 6,9%	171 27,0%	229 36,1%	190 30,0%	634 100%
Tổng số cặp mẹ-con		90 11,5%	236 30,1%	255 32,5%	203 25,9%	784 100%
Tỷ lệ kế tục nghề%		31,37%				
Tỷ lệ di động tổng thể		68,63%				
Tỷ lệ di động cấu trúc		54,97%				
Tỷ lệ di động thuần		13,66%				

Nguồn: Số liệu tác giả điều tra năm 2020.

và 59 người (chiếm 7,53%) di động theo hướng đi xuống.

Trong chiều hướng di động đi lên: Xác suất để những người con có cha là nông dân hoặc lao động giản đơn gia nhập vào tầng lớp *lãnh đạo, quản lý và chuyên môn kỹ thuật bậc cao* là 5,5%; nhóm có cha là công nhân và lao động có kỹ năng khác gia nhập vào tầng lớp này là 16,8%; và nhóm có cha là chuyên môn kỹ thuật bậc trung và nhân viên gia nhập vào tầng lớp này là

Trong chiều hướng di động đi xuống, tỷ lệ những người con có cha thuộc nhóm

¹ Tỷ lệ kế tục nghề tính trên số lượng người kế tục địa vị nghề của mẹ; Tỷ lệ di động tổng thể tính trên số người không có địa vị nghề giống mẹ; Tỷ lệ di động cấu trúc di động xuất phát từ cấu trúc xã hội mà không phải xuất phát từ sự tăng lên hay giảm xuống của nhu cầu về một địa vị nghề nào đó; Tỷ lệ di động thuần là di động tạo ra do sự thay đổi của bản thân các cá nhân trong việc dịch chuyển giữa các nhóm nghề với địa vị khác nhau.

chuyên môn kỹ thuật bậc trung hoặc nhân viên gia nhập vào tầng lớp công nhân và lao động có kỹ năng khác chiếm tỷ lệ cao nhất với 37,3%. Nhóm có tỷ lệ dịch chuyển đi xuống cao thứ hai là những người con có cha là lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên môn kỹ thuật bậc cao gia nhập vào tầng lớp chuyên môn kỹ thuật bậc trung hoặc nhân viên.

Nếu so sánh sự dịch chuyển địa vị nghề giữa cha và con, chúng ta thấy, mô hình dịch chuyển địa vị nghề của Việt Nam thông qua mẫu nghiên cứu của chúng tôi tương tự như mô hình chuyển dịch địa vị nghề của một số quốc gia phát triển như Thụy Sĩ, Pháp,

kinh tế đã tạo ra nhiều việc làm ở phía trên của tháp phân tầng nghề nghiệp giúp cho nhiều người có cơ hội thay đổi địa vị nghề so với cha, mẹ họ hơn.

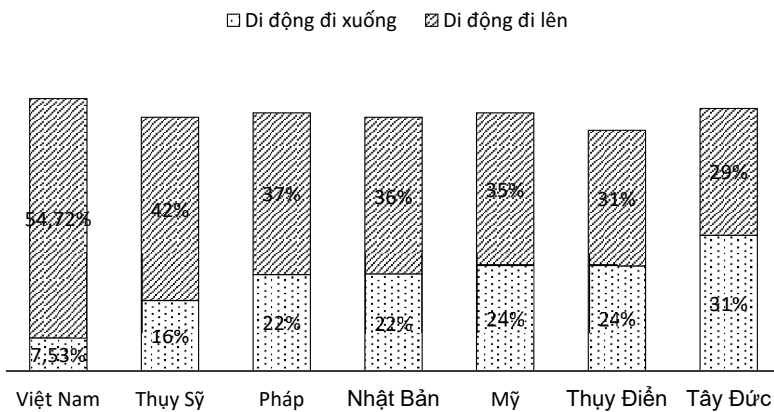
Xu hướng dịch chuyển địa vị nghề trong mô hình dịch chuyển địa vị nghề giữa mẹ và con cũng diễn ra tương tự như trong mô hình dịch chuyển địa vị nghề giữa cha và con. Trong đó, tỷ lệ những người con di động theo hướng đi lên (517 người, chiếm 65,9%) lớn hơn nhiều so với tỷ lệ những người dịch chuyển theo hướng đi xuống (21 người, chiếm 2,7%). Sự chuyển dịch đi lên chủ yếu diễn ra theo chiều hướng như sau: *Thứ nhất*, sự di động theo hướng

đi lên của những người con có mẹ là nông dân hoặc lao động giản đơn: Đa số những người con thuộc nhóm này di động theo hướng đi lên chiếm giữ địa vị nghề là công nhân và lao động có kỹ năng khác (36,1%); 27% gia nhập vào tầng lớp chuyên môn kỹ thuật bậc trung và nhân viên; và chỉ có tỷ lệ khá khiêm tốn (6,9%) gia nhập vào tầng lớp lãnh đạo, quản lý và chuyên môn kỹ thuật

bậc cao. *Thứ hai*, khác với những người con có mẹ là nông dân hoặc lao động giản đơn, những người con có mẹ là công nhân hoặc lao động có kỹ năng khác đa số gia nhập vào tầng lớp chuyên môn kỹ thuật bậc trung và nhân viên (55,6%); 22,2% gia nhập vào tầng lớp lãnh đạo, quản lý và chuyên môn kỹ thuật bậc cao (Xem: Bảng 1 và Bảng 2).

Với những người con di động theo hướng đi xuống so với địa vị nghề của mẹ:

Biểu đồ 1: So sánh di động liên thế hệ về nghề nghiệp giữa các quốc gia



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ: Rodney Stark, *Xã hội học đại cương*, 1997: 140.

Nhật Bản, v.v... vào những năm 1950. Số liệu Biểu đồ 1 cho thấy, tỷ lệ di động tổng thể của Việt Nam (62,25%) xấp xỉ với tỷ lệ chuyển dịch của Tây Đức (61%), Mỹ (59%) (Xem: Stark, 1997: 140). Tuy nhiên, tỷ lệ chuyển dịch theo hướng đi lên trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi lớn hơn rất nhiều so với sự chuyển dịch theo hướng đi lên của Tây Đức hay của Thụy Điển và Mỹ. Tỷ lệ dịch chuyển theo hướng đi lên cao của Việt Nam cho thấy: Sự chuyển đổi trong cơ cấu

Tỷ lệ những người con có mẹ là lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên môn kỹ thuật bậc cao gia nhập vào tầng lớp chuyên môn kỹ thuật bậc trung và nhân viên là 7,7%; còn lại 3,8% gia nhập vào tầng lớp công nhân và lao động có kỹ năng khác. Ngược lại, đa số con của những người mẹ là chuyên môn kỹ thuật bậc trung hoặc nhân viên di động theo hướng đi xuống gia nhập vào tầng lớp nông dân và lao động giản đơn (38,2%), và tầng lớp công nhân và lao động có kỹ năng khác (14,7%).

Như vậy, chúng ta thấy trong cả hai mô hình dịch chuyển địa vị nghề giữa cha và con và mô hình dịch chuyển địa vị nghề giữa mẹ và con, xu hướng di động theo hướng đi lên vẫn diễn ra phổ biến, tuy nhiên xác suất gia nhập vào từng nhóm nghề lại có sự khác biệt khá rõ.

4. Nguyên nhân của di động liên thế hệ về nghề nghiệp

Các lý thuyết nghiên cứu về di động nghề nghiệp cho thấy ba nhóm nguyên nhân chính dẫn đến di động là: “1) Sự thay đổi khách quan về kết cấu của những tầng lớp trong xã hội; 2) Sự thay đổi về quy mô dân số trong mỗi tầng lớp xã hội khác nhau (sinh, chết, nhập cư, chuyển cư); và 3) Sự thay thế chuyển dịch lẫn nhau của những

cá nhân giữa các nhóm địa vị xã hội, điều này liên quan đến sở thích hay năng lực nghề nghiệp của các cá nhân” (Dẫn theo: Đỗ Thiên Kính, 2018: 65).

Khi tìm hiểu các nhân tố tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp của các cá nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy việc lựa chọn nghề đầu tiên của các cá nhân trong mẫu nghiên cứu chịu ảnh hưởng bởi các lý do liên quan đến bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và các đặc điểm liên quan đến năng lực, sở thích cá nhân nhiều hơn là các lý do liên quan đến gia đình (Xem: Bảng 3). Đây là những gợi ý khá hữu ích để chúng tôi chú ý đến các nhóm nguyên nhân thứ nhất và thứ ba, sự thay đổi, dịch chuyển địa vị nghề liên quan đến sự chuyển đổi trong cơ cấu kinh tế - xã hội cũng như sự chuyển đổi liên quan đến năng lực, sở thích nghề nghiệp của các cá nhân.

Trên cơ sở phân tích các nguồn dữ liệu, chúng tôi nhận thấy: nguyên nhân chủ yếu của quá trình di động liên thế hệ về nghề nghiệp trên địa bàn nghiên cứu là do sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế - xã hội. Có thể thấy những năm gần đây, trên địa bàn các tỉnh, thành thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung, trên địa bàn thành phố Cần Thơ nói riêng diễn ra sự thay đổi nhanh chóng của khoa học và công nghệ; biến đổi môi trường và khí hậu. Tất cả những thay đổi này cùng với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đã làm thay đổi rõ nét cơ cấu nghề nghiệp ở khu vực này. Các số liệu điều tra về lao động việc làm của Tổng cục Thống kê cho thấy, cơ cấu lao động việc làm của người

Bảng 3. Lý do lựa chọn nghề đầu tiên
(Đánh giá các nhận định theo thang điểm từ 1 đến 5, trong đó:
1. Hoàn toàn sai; 2. Sai; 3. Có phần đúng có phần sai;
4. Đúng; 5. Hoàn toàn đúng)

Lý do lựa chọn nghề đầu tiên	Điểm trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn
1. Các lý do liên quan đến đặc điểm sở thích cá nhân	2,96	3	0,026
2. Các lý do liên quan đến gia đình	2,05	2	0,035
3. Các lý do liên quan đến bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội	3,01	3	0,055

Nguồn: Số liệu tác giả điều tra năm 2020.

Bảng 4. Cơ cấu các nhóm nghề nghiệp của người dân khu vực đồng bằng sông Cửu Long các năm 2010 và 2018 (%)

Nhóm nghề	2010	2018
1. Nhà lãnh đạo	0,6	0,8
2. Chuyên môn kỹ thuật bậc cao	2,5	4,3
3. Chuyên môn kỹ thuật bậc trung	2,6	2,1
4. Nhân viên	1,0	1,5
5. Dịch vụ cá nhân bảo vệ và bán hàng	17,1	19,3
6. Nghề nghiệp trong nông lâm ngư nghiệp	19,9	15,9
7. Thợ thủ công và các thợ khác có liên quan	10,3	11,8
8. Thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị	4,8	6,7
9. Nghề giản đơn	41,6	37,4
10. Khác		0,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2011; 2019).

dân khu vực này đã có những chuyển biến tích cực trong giai đoạn 2010-2018. Theo đó, việc làm trong nhóm nghề nông, lâm, ngư nghiệp giảm 4 điểm phần trăm; nhóm nghề đơn giản giảm 4,2 điểm phần trăm; trong khi đó tỷ lệ việc làm ở các nhóm nghề có thu nhập và mức sống cao như các nhà lãnh đạo, chuyên môn kỹ thuật bậc cao, nhân viên, thợ thủ công, thợ lắp ráp vận hành máy móc thiết bị đều tăng (Xem: Bảng 4).

Sự thay đổi nhanh chóng của cơ cấu ngành nghề tại địa bàn nghiên cứu đã tạo ra nhiều chỗ trống việc làm ở phía trên của tháp phân tầng. Chính điều đó tạo ra cơ hội lớn cho sự dịch chuyển đi lên của các tầng lớp dưới.

Các chỉ số di động cấu trúc ở hai mô hình dịch chuyển nghề (Xem: Bảng 1 và Bảng 2) là minh chứng tiếp theo cho thấy sự tác động mạnh mẽ của quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế đến quy mô, mức độ di động liên thế hệ về nghề nghiệp tại địa bàn nghiên cứu. Số liệu ở Bảng 1 và Bảng 2

cho thấy trong cả hai mô hình, tỷ lệ di động cấu trúc cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ di động thuần/di động chuyển đổi, nghĩa là phần lớn sự di động theo hướng đi lên về nghề nghiệp là do sự “thay đổi khách quan về kết cấu của các tầng lớp trong xã hội, hay do sự thay đổi về quy mô dân số trong mỗi tầng xuất phát từ quá trình sinh, chết, nhập cư, chuyển cư”. Sự dịch chuyển do yếu tố hoán đổi địa vị giữa tầng trên và tầng dưới, di động thuần chiếm tỷ lệ nhỏ trong cả hai mô hình. Điều đó cho thấy quá trình công nghiệp

hóa, hiện đại hóa cùng với sự mở rộng cơ hội giáo dục và y tế đã tạo ra một xã hội với sự chuyển dịch tương đối lớn. Đã có nhiều người di động theo hướng đi lên để lấp chỗ trống theo nhu cầu về nghề nghiệp, đây là một trong những bằng chứng cho thấy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội nhờ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm tăng tỷ lệ các nghề có vị thế cao trong tháp phân tầng nghề nghiệp, đồng thời mở rộng hơn cơ hội dịch chuyển theo hướng đi lên cho đại đa số người dân.

Tác động của sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế đến quy mô, mức độ di động cũng được thể hiện rõ nét nếu chúng ta so sánh quy mô, mức độ di động nghề tại các địa bàn nghiên cứu có mức độ phát triển kinh tế khác nhau. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, tại khu vực nông thôn nơi sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế đang diễn ra tương đối chậm so với các khu vực đô thị, quy mô dịch chuyển liên thế hệ về nghề nghiệp giữa cha/mẹ và con cái diễn ra ít hơn. Số

liệu ở Bảng 5 cho thấy, trong mô hình dịch chuyển địa vị nghề giữa cha và con, tỷ lệ không di động ở khu vực nông thôn là 55,8%, cao hơn 28,9 điểm phần trăm so với mức độ không di động ở khu vực đô thị (26,9%). Trong mô hình dịch chuyển địa vị nghề giữa mẹ và con, tỷ lệ không di động ở khu vực nông thôn cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ này ở khu vực đô thị (51,4% so với 19,4%). Trong cả hai mô hình di động, tỷ lệ di động đi lên ở khu vực đô thị cũng cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ này ở khu vực nông thôn. Ở mô hình dịch chuyển địa vị nghề giữa cha và con, tỷ lệ di động đi lên ở khu vực đô thị là 62% so với 42,5% ở khu vực nông thôn; còn ở mô hình dịch chuyển địa vị nghề giữa mẹ và con, tỷ lệ di động đi lên ở khu vực nông thôn là 48,3%, thấp hơn 28,2 điểm phần trăm so với khu vực đô thị (76,5%).

Như vậy, chúng ta thấy, sự phát triển, thay đổi cơ cấu kinh tế - xã hội lớn hơn, nhanh hơn ở khu vực đô thị đã tạo ra mức độ di động nghề liên thế hệ cao hơn, đồng thời tạo ra nhiều sự di động theo hướng đi lên cao hơn so với khu vực nông thôn. Đây là dấu hiệu cho thấy tác động tích cực của quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội

diễn ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long những năm qua.

Kết luận

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, quá trình phát triển kinh tế - xã hội dưới sự dẫn dắt của Đảng và Nhà nước đã tạo ra một xã hội Việt Nam với những đặc trưng rất khác biệt so với thời kỳ trước đây. Có thể thấy, chúng ta đang sống trong một xã hội mà các thế hệ mới được tạo ra nhờ phương thức “tạo ra giai tầng xã hội” nhiều hơn là “tái tạo lại giai tầng xã hội”. Chính quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội nhờ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm tăng tỷ lệ các nghề có vị thế cao trong tháp phân tầng nghề nghiệp, đồng thời mở rộng hơn cơ hội dịch chuyển theo hướng đi lên cho đại đa số người dân. Nghĩa là, chúng ta đã kiến tạo ra một xã hội với hệ thống phân tầng mở và tỷ lệ chuyển dịch xã hội lớn. “Tỷ lệ chuyển dịch cao là yếu tố cơ bản để hình thành một xã hội tốt” (Theo: Clark, 2017: 15), trong đó bình đẳng về cơ hội được mở rộng hơn, sự thành đạt của con người không còn là “đặc quyền của những người sinh ra trong gia đình có vị thế cao” (Theo: Stark, 1997: 141). Bên cạnh đó, sự thay đổi trong cơ cấu các tầng lớp thúc đẩy

Bảng 5: Di động liên thế hệ về nghề nghiệp phân theo khu vực (nông thôn và đô thị)

Địa bàn sinh sống	Di động nghề so với cha				Di động nghề so với mẹ			
	Không di động	Di động xuống	Di động đi lên	Tổng	Không di động	Di động xuống	Di động đi lên	Tổng
Nông thôn	164 55,8%	5 1,7%	125 42,5%	294 100%	151 51,4%	1 0,3%	142 48,3%	294 100%
Đô thị	132 26,9%	54 11,0%	304 62,0%	490 100%	95 19,4%	20 4,1%	375 76,5%	490 100%
Tổng	296 37,8%	59 7,5%	429 54,7%	784 100%	246 31,4%	21 2,7%	517 65,9%	784 100%

Nguồn: Số liệu tác giả điều tra năm 2020.

di động theo hướng đi lên chắc chắn sẽ làm thay đổi thái độ của con người theo hướng cởi mở hơn, để xã hội thúc đẩy các tài năng phát triển □

Tài liệu tham khảo

1. Clark, Gregory (2017), *Sức bật cho thể hệ mới*, Nguyễn Hồng dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
2. Endruweit, Gunter và Trommsdorff, Gisela (2002), *Từ điển xã hội học*, Ngụy Hữu Tâm và Nguyễn Hoài Bảo dịch từ nguyên bản tiếng Đức, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. Đỗ Thiên Kính (2007), “Di động xã hội giữa các thế hệ trong hai thời kỳ trước và sau Đổi mới ở Việt Nam”, phần I, Tạp chí *Xã hội học*, số 2 (98).
4. Đỗ Thiên Kính (2018), *Phân tầng xã hội và di động xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Stark, Rodney (1997), *Xã hội học đại cương*, Hà Việt Hùng và các cộng sự dịch và xuất bản, Tài liệu lưu hành nội bộ Viện Xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
6. Trịnh Văn Thảo (2013), *Ba thế hệ tri thức người Việt (1862-1954)*, *Nghiên cứu lịch sử xã hội*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
7. Tổng cục Thống kê (2011), *Báo cáo Điều tra lao động và việc làm Việt Nam năm 2010*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
8. Tổng cục Thống kê (2019), *Báo cáo điều tra lao động việc làm 2018*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.